

Số: 30 /QĐ-CT

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy chế bảo vệ môi trường Khu công nghiệp Quế Võ II

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP QUẾ VÕ IDICO

Căn cứ:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022;
- Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 7 tháng 7 năm 2022;
- Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021;
- Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.
- Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quế Võ IDICO;
- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bảo vệ môi trường Khu công nghiệp Quế Võ II.

Điều 2. Quy chế này là căn cứ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại KCN Quế Võ II. Quy định việc quản lý thống nhất về bảo vệ môi trường đối với các đơn vị nhằm bảo vệ môi trường, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của các đơn vị trong khu công nghiệp Quế Võ II.

Điều 3. Các Ông (Bà) trong Ban Giám đốc, các Bộ phận Phòng ban Công ty, các Nhà đầu tư thứ cấp/Nhà thầu thi công trong Khu công nghiệp Quế Võ II chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành, kể từ ngày 28/12/2022.

*Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BQL các KCN tỉnh Bắc Ninh(b/c);
- Sở TN&MT tỉnh Bắc Ninh(b/c);
- Lưu: PTH, KHKT



GIÁM ĐỐC

Đỗ An Huy

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP QUẾ VÕ IDICO**

**QUY CHẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
KHU CÔNG NGHIỆP QUẾ VÕ II**

(Ban hành lần 01)

Bắc Ninh, tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Các căn cứ pháp lý:	3
Điều 2. Mục đích:	3
Điều 3. Phạm vi áp dụng:	3
Điều 4. Khái niệm, thuật ngữ:	3
Điều 5. Quy định, sửa đổi, bổ sung	4
CHƯƠNG II. GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ XÂY DỰNG CỦA DOANH NGHIỆP THỨ CẤP	4
Điều 6. Yêu cầu về Hồ sơ môi trường	4
Điều 7. Yêu cầu về quy hoạch, thiết kế của NĐT	4
CHƯƠNG III. GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG	5
MỤC 1: TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ THẦU THI CÔNG	5
Điều 8. Quy định chung	5
Điều 9. Yêu cầu về việc bố trí khu vực thi công	6
Điều 10. Giải quyết vi phạm	6
MỤC 2: TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THỨ CẤP	6
Điều 11. Quy định chung	6
Điều 12. Yêu cầu về bảo vệ môi trường	7
CHƯƠNG IV. GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH DỰ ÁN	7
Điều 13. Yêu cầu về Hồ sơ môi trường	7
Điều 14. Yêu cầu bắt buộc trước khi dự án đi vào vận hành	7
Điều 15. Yêu cầu về bảo vệ môi trường	8
Điều 16. Giải quyết vi phạm	8
CHƯƠNG V. NGUYÊN TẮC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHU CÔNG NGHIỆP	9
Điều 17. Chất thải rắn thông thường, chất thải công nghiệp	9
Điều 18. Quản lý chất thải nguy hại	9
Điều 19. Quản lý khí thải, bụi, tiếng ồn	9
Điều 20. Quản lý nước mặt	10
Điều 21. Quản lý nước ngầm	10
Điều 22. Quản lý chất phóng xạ	10
Điều 24. Chất phóng xạ	11
Điều 25. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	11
CHƯƠNG VI. TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN QUẾ VÕ II	11
Điều 28. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được quản lý theo quy định về quản lý về chất thải nguy hại.	12
Điều 29. Xây dựng kho chứa hóa chất vận hành, kho chứa chất thải nguy hại, rác thải sinh hoạt. Phải ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý. Có hóa đơn, chứng từ chuyển giao chất thải và báo cáo về sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh.	12
Điều 30. Tiến hành quan trắc định kỳ, xây dựng hệ thống quan trắc tự động theo đúng quy định và theo giấy phép môi trường đã được phê duyệt.	12
Điều 31. Kê khai và nộp phí Bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định.	12
CHƯƠNG VII. XỬ LÝ CÁC TRƯỜNG HỢP VI PHẠM QUY CHẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	12
Điều 32. Thanh tra – kiểm tra	12
Điều 33. Khắc phục vi phạm	12
Điều 34. Khiếu nại	13
CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	13
Điều 35. Hiệu lực	13
Điều 36. Thi hành	13

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Các căn cứ pháp lý:

1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;
2. Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022;
3. Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 7 tháng 7 năm 2022;
4. Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021;
5. Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Điều 2. Mục đích:

Quy chế này là căn cứ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại KCN Quế Võ II. Quy định việc quản lý thống nhất về bảo vệ môi trường đối với các đơn vị nhằm bảo vệ môi trường, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của các đơn vị trong khu công nghiệp Quế Võ II.

Điều 3. Phạm vi áp dụng:

Quy chế này áp dụng cho tất cả các Nhà đầu tư thứ cấp/Nhà thầu thi công trong Khu công nghiệp Quế Võ II.

Điều 4. Khái niệm, thuật ngữ:

- BQLKCN : Ban quản lý vận hành khu công nghiệp;
- BVMT : Bảo vệ môi trường;
- IDICO-QUEVO : Công ty [tên chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp];
- CTNH : Chất thải nguy hại;
- KCN Quế Võ II : Khu công nghiệp Quế Võ II;
- NĐT : Nhà đầu tư thứ cấp là các tổ chức, cá nhân thuê lại đất trong KCN Quế Võ II;
- NTTC : Nhà thầu thi công xây dựng cho CĐT và NĐT thứ cấp.
- Bảo vệ môi trường khu công nghiệp là các hoạt động nhằm giữ cho môi trường bên trong và vùng xung quanh khu công nghiệp được trong sạch, cải thiện môi trường, ngăn chặn, khắc phục các hậu quả xấu do các hoạt động của khu công nghiệp gây ra cho môi trường.
- Các doanh nghiệp: Được áp dụng trong quy chế này bao gồm các tổ chức, cá nhân, công ty, doanh nghiệp, xí nghiệp, nhà máy, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, nhà thầu thi công xây dựng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, khách hàng thuê lại đất, nhà xưởng trong KCN Quế Võ II.

Điều 5. Quy định, sửa đổi, bổ sung

Quy chế này được xem là căn cứ pháp lý và là một phần của Hợp đồng thuê đất tại KCN Quế Võ II.

Quy chế này có thể được sửa đổi hoặc bổ sung theo thực tế dựa trên Pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành và điều kiện riêng tại KCN Quế Võ II. Những sửa đổi, bổ sung này có giá trị ngay sau khi IDICO-QUEVO thông báo cho các bên liên quan bằng văn bản.

CHƯƠNG II.

GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ XÂY DỰNG CỦA DOANH NGHIỆP THỨ CẤP

Điều 6. Yêu cầu về Hồ sơ môi trường

Trước khi tiến hành xây dựng, NĐT phải nộp cho BQLKCN các hồ sơ môi trường có đóng dấu treo của đơn vị như sau:

1. Một (01) bản sao Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) kèm theo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án phải lập ĐTM hoặc Giấy phép môi trường/Đăng ký môi trường đối với các dự án không phải lập ĐTM và thuộc đối tượng phải cấp giấy phép xây dựng.

2. Giấy phép xây dựng.

3. Hồ sơ bản vẽ.

Điều 7. Yêu cầu về quy hoạch, thiết kế của NĐT

1. Tuân thủ theo Quy định quản lý xây dựng trong KCN Quế Võ II;

2. Có thiết kế, bố trí mặt bằng nhà xưởng theo đúng phương án giảm thiểu tác động môi trường đã cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường /Giấy phép môi trường/ Đăng ký môi trường đã được phê duyệt.

3. Diện tích cây xanh của lô đất tối thiểu phải bằng 20% diện tích lô đất.

4. Xây dựng tách riêng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải, đảm bảo đầu nổi đúng và hoàn chỉnh hệ thống thoát nước cục bộ vào hệ thống thoát nước chung của KCN.

5. Hệ thống thoát nước thải, nước mưa của nhà máy trước khi dẫn vào hệ thống thoát nước của KCN phải qua hố ga thăm dò riêng (riêng nước thải chỉ có 1 hố thăm dò), được xây dựng bên ngoài tường rào nhà máy với kích thước quy định đảm bảo công tác quan trắc, lấy mẫu kiểm tra chất lượng nước.

6. Thiết kế hệ thống xử lý nước thải cục bộ của nhà máy phải đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh bao gồm nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt ở giai đoạn hoạt động ổn định và dự phòng trong trường hợp nhà máy hoạt động tăng công suất hoặc có sự cố môi trường xảy ra.

7. Nước thải gồm nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt của các NĐT phải được xử lý sơ bộ đạt yêu cầu cho phép của IDICO-QUEVO trước

khi xả vào hệ thống thu gom chung của KCN Quế Võ II và phù hợp với báo cáo đánh giá tác động môi trường/Giấy phép Môi trường/Đăng ký môi trường của dự án;

8. Có thiết kế khu vực lưu chứa và phân loại chất thải phát sinh (bao gồm chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, phế liệu và chất thải nguy hại) có tường rào, mái che, có dán nhãn, có dấu hiệu cảnh báo theo đúng quy định của pháp luật, tuyệt đối không để nước rỉ từ chất thải ngấm vào đất, phát tán ra ngoài môi trường. Các loại chất thải phát sinh cần phải được phân loại tại nguồn và bàn giao cho đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

9. Hệ thống xử lý khí thải cục bộ phải đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng khí thải phát sinh của nhà máy đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải đặc thù. Không để phát tán khí thải, bụi, mùi chưa qua xử lý ra môi trường, làm ảnh hưởng đến khu vực lân cận. Tuân thủ quy định của pháp luật về chiều cao, đường kính ống khói và vị trí lấy mẫu.

10. Có thiết kế xây dựng hệ thống thu gom và xử lý toàn bộ lượng mùi và bụi thải phát sinh từ quá trình sản xuất, vận chuyển và tồn trữ nguyên vật liệu, hàng hoá, đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn quy định;

11. Nhà xưởng phải giữ khoảng cách an toàn phòng cháy chữa cháy, khoảng cách ly an toàn, đồng thời thực hiện các giải pháp cách âm, xử lý nền móng nhằm giảm thiểu tiếng ồn, độ rung không để ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

12. Trách nhiệm với môi trường: Đề ứng phó với biến đổi khí hậu, các đơn vị được khuyến khích thực hiện thiết kế nhà máy, sử dụng thiết bị và phụ kiện tiết kiệm năng lượng, tái chế chất thải và sử dụng năng lượng tái tạo, vv...

CHƯƠNG III. GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG

MỤC 1: TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ THẦU THI CÔNG

Điều 8. Quy định chung

1. Tuân thủ theo Quy định quản lý xây dựng trong KCN Quế Võ II theo từng thời điểm và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc hồ sơ môi trường tương ứng được cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt.

Điều 9. Yêu cầu về việc bố trí khu vực thi công

1. Các NTTC phải bố trí khu vực lưu chứa chất thải (chất thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải nguy hại ...) và kí hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Bố trí nhà vệ sinh cho công nhân bên trong khuôn viên lô đất của NĐT ngay khi bắt đầu thi công và hợp đồng với đơn vị có năng lực để chuyển giao lượng chất thải này; bố trí lán trại, kho vật tư, thoát nước trong phạm vi khuôn viên khu đất được IDICO-QUEVO chấp thuận trước để không làm ảnh hưởng đến các đơn vị khác.

2. NTTC phải che chắn kín khu vực công trường bằng hàng rào tạm khung thép, vách tôn cao 2m, đảm bảo an toàn về kết cấu, chống nghiêng đổ, gió lật, an toàn cho người, mỹ quan và cháy nổ;

3. NTTC phải đảm bảo trật tự an toàn và vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thi công, không làm ảnh hưởng xấu đến hạ tầng KCN Quế Võ II cũng như an toàn của người tham gia giao thông trong KCN Quế Võ II;

4. Mọi hoạt động chỉ được thực hiện trong phạm vi lô đất của chủ dự án. Nghiêm cấm các hành vi chôn lấp, đổ, thải chất thải không đúng quy định về bảo vệ môi trường.

Điều 10. Giải quyết vi phạm

NTTC vi phạm các quy định trong KCN Quế Võ II thì phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và nhanh chóng khắc phục hậu quả các thiệt hại do đơn vị mình gây ra trong thời gian BQLKCN cho phép, quá thời hạn cho phép mà NTTC vẫn không chấp hành thì BQLKCN sẽ dùng “tiền ký quỹ xây dựng” để khắc phục; nếu nghiêm trọng BQLKCN sẽ áp dụng biện pháp đình chỉ thi công, cấm các phương tiện ra vào KCN Quế Võ II.

MỤC 2: TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THỨ CẤP

Điều 11. Quy định chung

1. Các đơn vị tiến hành đầu tư xây dựng nhà xưởng theo đúng giấy phép xây dựng. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu;

2. Thông báo bằng văn bản cho CĐT và BQLKCN các thông tin về NTTC, thời gian thi công, thời điểm hoàn thành và đi vào hoạt động.

Điều 12. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

1. Giám sát chặt chẽ và chịu trách nhiệm chính việc chấp hành bảo vệ môi trường của các NTTC cho đơn vị mình trong suốt quá trình thi công xây dựng nhà xưởng;

2. Thực hiện chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn xây dựng theo đúng cam kết nêu tại các hồ sơ môi trường được duyệt, báo cáo cơ quan quản lý nhà nước theo quy định và thông báo kết quả quan trắc cho CĐT/BQLKCN .

3. Phối hợp với CĐT/BQLKCN nghiệm thu mặt bằng hiện trạng lô đất sau khi hoàn tất các hạng mục xây dựng và thông báo bằng văn bản về việc đối nổi hạ tầng để được hướng dẫn theo quy định.

CHƯƠNG IV. GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH DỰ ÁN

Điều 13. Yêu cầu về Hồ sơ môi trường

Để có căn cứ theo dõi, giám sát các vấn đề môi trường, NĐT cần nộp lại cho BQLKCN các hồ sơ có đóng dấu treo của đơn vị như sau:

- Một (01) bản sao Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (đối với dự án hoạt động trước khi Luật bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực)

- Một (01) bản sao Giấy phép môi trường kèm theo báo cáo đề xuất/một (01) bản sao Đăng ký môi trường (đối với dự án hoạt động sau khi Luật bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực và thuộc đối tượng phải lập ĐTM)

- Gửi lại BQLKCN bản sao, có dấu treo của đơn vị các hồ sơ môi trường đã được cơ quan quản lý nhà nước phê duyệt trong trường hợp có sự thay đổi về quy mô, công suất, công nghệ.

Điều 14. Yêu cầu bắt buộc trước khi dự án đi vào vận hành

1. Đã có diện tích đất cây xanh theo thiết kế được phê duyệt;

2. Đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt. Hệ thống thoát nước thải phải được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Quế Võ II theo biên bản thoả thuận đấu nối hạ tầng;

3. Hệ thống thoát nước đã được CĐT/BQLKCN nghiệm thu đấu nối vào hạ tầng KCN Quế Võ II;

4. Đã xây dựng hoàn chỉnh và vận hành các hệ thống xử lý sơ bộ nước thải, xử lý khí thải, bụi, mùi theo đặc thù từng ngành nghề cụ thể theo đúng Giấy phép Môi trường/Đăng ký môi trường đã được phê duyệt;

5. Đã được cấp Giấy phép môi trường/Đăng ký môi trường theo quy định;

6. Đã có địa điểm và nhà kho sẵn sàng cho việc lưu chứa tạm thời nguyên/nhiên vật liệu; phân loại ngay tại nguồn đối với chất thải rắn, lưu chứa với điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh và an toàn cho môi trường;

7. Có hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp và chất thải nguy hại; lưu trữ chúng từ chuyên giao các loại chất thải. Nghiêm cấm chôn, đổ, thải rác ra môi trường;

8. Phải bố trí nhân sự phụ trách về công tác bảo vệ môi trường.

Điều 15. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

1. Các NĐT phải ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước với IDICO-QUEVO, đóng phí xử lý nước thải hàng tháng (được thoả thuận theo điều khoản hợp đồng);

2. Các NĐT phải xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn theo hợp đồng dịch vụ thoát nước đã ký kết, BQLKCN có trách nhiệm thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn xả thải theo Giấy phép môi trường được phê duyệt;

3. Phải thông báo và giải trình ngay cho BQLKCN khi có sự cố về môi trường xảy ra; tạm dừng và khắc phục ngay công đoạn xảy ra sự cố; nếu nghiêm trọng phải tạm dừng ngay công đoạn sản xuất để khắc phục hoàn toàn sự cố;

4. NĐT trong quá trình hoạt động nếu có thay đổi quy mô, cải tiến công nghệ sản xuất; thay đổi công suất, công nghệ trạm xử lý nước thải phải báo cáo ngay cho Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, đồng thời báo cho IDICO-QUEVO/BQLKCN để được hướng dẫn các thủ tục pháp lý về môi trường;

5. NĐT có trách nhiệm thực hiện chương trình quan trắc môi trường, gửi báo cáo kết quả quan trắc định kỳ cho BQLKCN và cơ quan chức năng, đồng thời chịu trách nhiệm pháp lý về các số liệu báo cáo. Tần suất quan trắc phải được thực hiện theo đúng Giấy phép môi trường đã được phê duyệt.

Điều 16. Giải quyết vi phạm

NĐT phải nhanh chóng khắc phục ô nhiễm môi trường do cơ sở mình gây ra. Trong thời gian khắc phục sự cố nếu các đơn vị không chấp hành, BQLKCN sẽ ngừng cung cấp nước sạch, ngừng tiếp nhận nước thải và cấm các phương tiện ra, vào KCN; đồng thời sẽ kiến nghị lên cơ quan chức năng xử lý theo pháp luật.

CHƯƠNG V.

NGUYÊN TẮC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHU CÔNG NGHIỆP

Điều 17. Chất thải rắn thông thường, chất thải công nghiệp

NĐT phải quy hoạch và xây dựng khu vực để phân loại, lưu chứa tạm thời chất thải rắn thông thường, chất thải công nghiệp. Ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý với đơn vị có đầy đủ chức năng theo quy định của pháp luật và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các loại chất thải này. Toàn bộ quá

trình trên phải được thực hiện trong hàng rào nhà máy và không làm ảnh hưởng đến môi trường bên ngoài.

Điều 18. Quản lý chất thải nguy hại

1. Mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào và phải có rãnh thu gom nước, hố thu để phòng trường hợp sự cố;

2. Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH, trừ các thiết bị lưu chứa CTNH với dung tích lớn hơn 02 (hai) m³ thì được đặt ngoài trời phải có mái che; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong;

3. Có biện pháp cách ly với các loại hoặc nhóm CTNH khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau;

4. Khu lưu giữ CTNH phải được bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn;

5. Khu vực lưu giữ CTNH dễ cháy, nổ bảo đảm khoảng cách không dưới 10 (mười) m với lò hơi và các thiết bị đốt khác;

6. Chất thải lỏng có PCB (Polychlorinated biphenyl), các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc đối tượng quản lý của Công ước Stockholm và các thành phần nguy hại hữu cơ halogen khác (vượt quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại) phải được chứa trong các bao bì cứng hoặc thiết bị lưu chứa đặt trên các tấm nâng và không xếp chồng lên nhau;

7. Khu vực lưu trữ CTNH phải được trang bị: thiết bị phòng cháy chữa cháy; vật liệu hấp phụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng; biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu trữ theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT với kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

Điều 19. Quản lý khí thải, bụi, tiếng ồn

1. Phải đảm bảo quy chuẩn quy định về khí thải;

2. Phải có phương án kiểm soát và hệ thống xử lý khí thải, bụi đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải, cần hiện đại hoá thiết bị và hoàn thiện quy trình công nghệ nhằm làm giảm thiểu lượng phát thải;

3. Thu gom, xử lý bụi, khí thải, mùi khó chịu; bảo đảm không để rò rỉ, phát tán khí độc hại ra môi trường; kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ nhiệt;

4. Thực hiện quan trắc khí thải, bụi, tiếng ồn theo đúng cam kết nêu tại hồ sơ môi trường được duyệt và theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 20. Quản lý nước mặt

1. Các đơn vị phải có hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải riêng biệt.
2. Hệ thống thoát nước mưa phải được nghiệm thu, đấu nối theo đúng các yêu cầu kỹ thuật vào hạ tầng KCN Quế Võ II.
3. Tuân thủ tiêu chuẩn tiếp nhận nước mặt quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.
4. NĐT sử dụng nước mặt phải có giấy phép khai thác nước mặt do các cơ quan chức năng cấp;
5. Định kỳ báo cáo lưu lượng nước mặt theo tần suất quy định trong giấy phép khai thác nước mặt đã được phê duyệt cho Sở Tài nguyên và Môi trường và CĐT/BQLKCN.

Điều 21. Quản lý nước ngầm

Nghiêm cấm các hoạt động khai thác nước ngầm dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 22. Quản lý chất phóng xạ

Việc xuất, nhập, tàng trữ và vận chuyển các chất phóng xạ, các nguồn phát xạ ion hoá, các chất độc hại, các chất dễ cháy nổ phải tuân theo các quy định.

Điều 23. Quản lý nước thải

1. Hệ thống thoát nước thải phải được nghiệm thu, đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Quế Võ II tại duy nhất một vị trí;
2. Nước thải (bao gồm nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt) của mỗi nhà máy phải được thu gom và đưa vào hệ thống xử lý sơ bộ, cục bộ của nhà máy để xử lý, nghiêm cấm việc xả thải trực tiếp nước thải ra môi trường dưới mọi hình thức;
3. Nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN Quế Võ II, phải được xử lý cục bộ không vượt quá giá trị giới hạn các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm của nước thải theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Quế Võ II.
4. Nghiêm cấm việc xử lý nước thải bằng biện pháp cho ngấm vào đất hoặc pha loãng nước thải bằng nước sạch (nước cấp cho sinh hoạt) để đạt tiêu chuẩn tiếp nhận.
5. Quan trắc chất lượng nước thải định kỳ.
 - Đối với các đơn vị đang thực hiện quan trắc môi trường theo các giấy phép môi trường thành phần, còn hiệu lực, thì tiếp tục thực hiện chương trình quan trắc theo đúng thông số, tần suất quy định.
 - Đối với các đơn vị đã được cấp giấy phép môi trường thực hiện chương trình quan trắc theo các thông số đặc trưng của nước thải phát sinh từ đơn vị mình.
 - Đối với các dự án có phát sinh nước thải sản xuất có chứa kim loại

nặng thì ngoài các chỉ tiêu cơ bản cần quan trắc thêm các chỉ tiêu kim loại nặng đặc thù, đảm bảo đạt TCQVII trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải của KCN.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/ lần
- Khuyến khích các đơn vị tăng tần suất thực hiện quan trắc nước thải để kiểm soát chất lượng nước thải đầu ra của cơ sở luôn đảm bảo đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN.
- Lấy mẫu đột xuất: IDICO-QUEVO có quyền lấy mẫu đột xuất mà không cần báo trước đối với tất cả các đơn vị đang hoạt động tại Khu công nghiệp Quế Võ II.
- Các đơn vị có trách nhiệm phối hợp với cán bộ phụ trách môi trường của Quế Võ II trong việc lấy mẫu đột xuất, lấy mẫu định kỳ, kiểm tra hồ ga nước thải, nước mưa, các công việc xử lý sự cố môi trường khi có yêu cầu từ ban quản lý KCN Quế Võ II.
- Thời gian gửi báo cáo môi trường/kết quả quan trắc: Các đơn vị gửi bản sao báo cáo môi trường/kết quả quan trắc, có dấu treo của Công ty 03 tháng/lần sau mỗi kỳ thực hiện quan trắc. Kỳ báo cáo cuối năm gửi trước ngày 10 tháng 01 của năm tiếp theo.

Điều 24. Chất phóng xạ

Việc xuất, nhập, tàng trữ và vận chuyển các chất phóng xạ, các nguồn phát xạ ion hoá, các chất độc hại, các chất dễ cháy nổ phải tuân theo các quy định.

Điều 25. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Các đơn vị phải ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI.

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN QUẾ VÕ II

Điều 26. Trạm xử lý nước thải do Công ty trực tiếp quản lý vận hành.

Điều 27. Trạm xử lý nước thải tiếp nhận toàn bộ nước thải của Các doanh nghiệp trong KCN Quế Võ II qua hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN và bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- Có quy trình công nghệ phù hợp với loại hình nước thải cần xử lý.
- Đủ công suất xử lý nước thải phù hợp với khối lượng nước thải phát sinh trong từng giai đoạn của KCN Quế Võ II.
- Xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, nước thải đạt cột A quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT.
- Cửa xả nước thải vào hệ thống thoát nước phải đặt ở vị trí thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát.
- Vận hành thường xuyên và đúng quy trình xử lý nước thải.

Điều 28. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được quản lý theo quy định về quản lý về chất thải nguy hại.

Điều 29. Xây dựng kho chứa hóa chất vận hành, kho chứa chất thải nguy hại, rác thải sinh hoạt. Phải kí hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý. Có hóa đơn, chứng từ chuyển giao chất thải và báo cáo về sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh.

Điều 30. Tiến hành quan trắc định kì, xây dựng hệ thống quan trắc tự động theo đúng quy định và theo giấy phép môi trường đã được phê duyệt.

Điều 31. Kê khai và nộp phí Bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định.

CHƯƠNG VII.

XỬ LÝ CÁC TRƯỜNG HỢP VI PHẠM QUY CHẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 32. Thanh tra – kiểm tra

Đối với các NĐT/NTTC vi phạm Quy chế này thì BQLKCN tiến hành kiểm tra và nhắc nhở bằng cách lập biên bản, đóng cửa xả nước mưa/nước thải, buộc khắc phục trong vòng 24 giờ và thanh toán toàn bộ chi phí phân tích chất lượng môi trường và chi phí khác (nếu có). Hết thời gian cho phép mà NĐT vẫn chưa có biện pháp khắc phục hiệu quả, BQLKCN sẽ kiến nghị cơ quan chức năng xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định của Pháp luật.

Điều 33. Khắc phục vi phạm

Bên gây ô nhiễm phải thanh toán toàn bộ chi phí, khắc phục môi trường và bồi thường các khoản thiệt hại cho bên bị ảnh hưởng sau khi có kết luận chính thức từ cơ quan chức năng về mức độ phát sinh ô nhiễm.

Đối với các NĐT/NTTC đã bị xử phạt hành chính sau khi hết thời hạn mà vẫn chưa có biện pháp khắc phục hiệu quả theo yêu cầu của cơ quan chức năng, BQLKCN sẽ tạm ngừng cung cấp các dịch vụ nước sạch, ngừng tiếp nhận nước thải.

Điều 34. Khiếu nại

Trong quá trình hoạt động, các đơn vị có quyền khiếu nại, tố cáo khi phát hiện các hành vi gây ô nhiễm môi trường của các đơn vị khác cần thông báo ngay cho KCN Quế Võ II để hợp thời kiểm tra hiện trường và khắc phục.

CHƯƠNG VIII.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Hiệu lực

CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Hiệu lực

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quy chế này được xem là cơ sở pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trong KCN Quế Võ II. Đối với các trường hợp chưa được đề cập trong Quy chế này sẽ có sự điều chỉnh dựa trên các quy định hiện hành và điều kiện riêng tại KCN Quế Võ II.

Điều 36. Thi hành

Các tổ chức, cá nhân, Công ty, Doanh nghiệp, nhà máy, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, khách hàng thuê lại đất, nhà thầu thi công trong KCN Quế Võ II và các Phòng/Bộ phận của IDICO-QUEVO chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Bắc Ninh, ngày 27 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY IDICO-QUEVO



GIÁM ĐỐC
Đỗ An Huy

PHỤ LỤC 1
TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CƠ SỞ
VỀ NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 12 năm 2022

Lời nói đầu

Tiêu chuẩn này do Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quế Võ IDICO (IDICO-QUEVO) biên soạn và được ban hành kèm theo Quy chế bảo vệ môi trường, áp dụng cho các Nhà đầu tư hoạt động trong KCN Quế Võ II.

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Đối tượng áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng đối với tổ chức liên quan đến hoạt động xả nước thải công nghiệp vào hệ thống thu gom của nhà máy xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Quế Võ II.

1.2. Giải thích thuật ngữ

Trong Tiêu chuẩn này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.2.1. Nước thải công nghiệp là nước thải phát sinh từ quá trình công nghệ của cơ sở sản xuất, dịch vụ công nghiệp (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp).

1.2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải là: hệ thống thu gom của nhà máy xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Quế Võ II.

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải KCN Quế Võ II được áp dụng đúng theo Bảng 1 dưới đây, cụ thể:

Giá trị C_{max} của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp được quy định tại Bảng 1.

Bảng 1: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C_{max}
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	50
3	pH	-	5.5 đến 9
4	BOD5 (20°C)	mg/l	50

5	COD	mg/l	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	Asen	mg/l	0.1
8	Thủy ngân	mg/l	0.01
9	Chì	mg/l	0.5
10	Cadimi	mg/l	0.1
11	Crom (VI)	mg/l	0.05
12	Crom (III)	mg/l	0.2
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0.2
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0.1
19	Tổng phenol	mg/l	0.5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	0.5
22	Florua	mg/l	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24	Tổng nitơ	mg/l	40
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
26	Clorua	mg/l	500
27	Clo dư	mg/l	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0.1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	1
30	Tổng PCB	mg/l	0.01
31	Coliform	vi khuẩn/100ml	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0.1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1.0

3. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH

3.1. Phương pháp lấy mẫu và xác định các thông số ô nhiễm trong nước thải được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.2. Các thông số ô nhiễm trong nước thải chưa có phương pháp lấy mẫu, xác định theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT được thực hiện theo phương pháp của các quốc gia tiên tiến (G7) và Hàn Quốc hoặc Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) hoặc các phương pháp chuẩn thử nghiệm nước và nước thải (Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater).

4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất của nguồn thải để lựa chọn thông số ô nhiễm đặc trưng và giá trị C_{max} quy định tại Bảng 1 áp dụng với các nhà đầu tư trong việc ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước.

4.2. Trường hợp các văn bản pháp luật viện dẫn trong Tiêu chuẩn này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.